

UBND XÃ NẬM NÈN
TRƯỜNG PTDTBT THCS HUỖI MÍ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	15	2,62
1	Phòng học kiên cố	15	2,62
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	4	0,77
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	33,6	2,62
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.036	29,8
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5000	13,5
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	682	1,84
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	288	0,77
3	Diện tích thư viện (m ²)	100	0,27
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	15	0,04
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	0,7	0,7/1
1.2	Khối lớp 7	0,7	0,7/1
1.3	Khối lớp 8	0,6	0,6/1
1.4	Khối lớp 9	0,7	0,7/1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0,3	
2.2	Khối lớp 7	0,3	
2.3	Khối lớp 8	0,4	
2.4	Khối lớp 9	0,3	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	0,054
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	10	0,027
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	0,027
5	Máy photo	1	0,0027
6	Tăng âm, loa đài	1	0,0027

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	0,8
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	9/9
5	Máy photo	1	0
..	Tăng âm, loa đài...	1	0

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	30
XI	Nhà ăn	250

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	24/360	301	1,19
XIII	Khu nội trú	6000	0	19,9

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2/2		0,18
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	x	

Nậm Nèn, ngày 10 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Lò Văn Tuấn